

B NG ấI M H C PH N - M ấN TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ5 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067100706 - Quy ho ch tuy n t ấnh H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T c N	NG ấY SINH	ấI M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671041924	36CCĐ5	Nguy n Ho ấng Anh	04/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
2	3671041608	36CCĐ5	Tr ấ ng M nh C ấ ng	11/01/1994				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
3	3671041880	36CCĐ5	Nguy n V ấnh Ch t	01/01/1993				10.0			10.0	3.0	7.0	4.9	7.9	
4	3671041835	36CCĐ5	Tr ấ ng ấ nh B o Duy	05/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
5	3671041927	36CCĐ5	Cao V ấnh D ấ ấ	14/07/1993				7.5			7.5	2.3	3.0	2.1	4.4	
6	3671041892	36CCĐ5	H ấ V ấnh D ấ ấ	05/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
7	3671041899	36CCĐ5	Nguy n Ti n D ấ ấ	23/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
8	3671041904	36CCĐ5	Tr n Qu c D ấ ấ	06/08/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
9	3671042018	36CCĐ5	Tr n Xu ấ n D ấ ng	08/02/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
10	3671041659	36CCĐ5	Ho ấng ấ t	25/09/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
11	3671041932	36CCĐ5	Ho ấng Minh H ấ	12/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
12	3671041971	36CCĐ5	Nguy n Th ấnh Hi u	11/10/1992				3.0			3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
13	3671041673	36CCĐ5	Huu nh Quang Hi u	23/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
14	3671041923	36CCĐ5	Nguy n V ấnh Hi u	02/06/1994				5.0			5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
15	3671041929	36CCĐ5	Tr n Trung Hi u	11/11/1994				4.5			4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	N HP
16	3671041831	36CCĐ5	Huu nh Xu ấ n Ho ấng	31/01/1994				9.0			9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
17	3671041656	36CCĐ5	L ấ B o Huy	11/06/1994				8.0			8.0	2.4	4.3	3.0	5.4	
18	3671041926	36CCĐ5	Nguy n Ph c Huy	16/05/1994				1.0			1.0	0.3	4.5	3.2	3.5	
19	3671041657	36CCĐ5	Nguy n Tr ấ ng Ki ấn	16/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ5 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067100706 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671041625	36CCĐ5	H Th	Ki t	22/12/1993				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
21	3671041888	36CCĐ5	L ² V ấ	Khanh	12/07/1993				3.5			3.5	1.1	6.0	4.2	5.3	
22	3671041579	36CCĐ5	H ấ ấ ấ	Linh	30/08/1994				10.0			10.0	3.0	8.5	6.0	9.0	
23	3671042045	36CCĐ5	X ấ Ph i	Linh	10/11/1993				7.5			7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
24	3671041560	36CCĐ5	L u V ấ	Long	01/01/1994				9.0			9.0	2.7	6.0	4.2	6.9	
25	3671041890	36CCĐ5	L ấ Ho ấ ng	Lu t	15/11/1985				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
26	3671041843	36CCĐ5	H ấ nh	Ph ấ p	24/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
27	3671041679	36CCĐ5	B ấ i L ² Tu n	Phong	07/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
28	3671041535	36CCĐ5	Nguy n Kh c Ph ng	Quang	10/09/1994				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
29	3671041647	36CCĐ5	Nguy n Thanh	Qu ấ n	21/03/1994				4.5			4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
30	3671041885	36CCĐ5	T ồ Minh	Qu í	07/12/1994				3.0			3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
31	3671041930	36CCĐ5	Nguy n V ấ	Sang	06/06/1992				8.5			8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	
32	3671041998	36CCĐ5	Nguy n V ấ	Sinh	25/09/1994				1.5			1.5	0.5	7.0	4.9	5.4	
33	3671041642	36CCĐ5	ấ ấ V ấ	S n	01/02/1994				4.5			4.5	1.4	1.8	1.3	2.6	
34	3671041856	36CCĐ5	Ho ấ ng Minh	T ấ i	20/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
35	3671042031	36CCĐ5	L ² Nh t	T ấ n	06/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
36	3671041569	36CCĐ5	ấ ng H u	Ti n	07/11/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
37	3671041830	36CCĐ5	D ng Ng c	Ti n	16/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
38	3671041621	36CCĐ5	L ng Anh	Ti n	02/04/1994				3.5			3.5	1.1	3.5	2.5	3.5	

Kh¹a h c : **L p h c** : 36CCĐ5 **N¹m h c** : 2012-2013 **ñ VHT** : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ñT : **H c ph n** : 122067100706 - Quy ho ch tuy n tnh **H c km** : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THI NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
39	3671041652	36CCĐ5	Nguy n H u	Ti n	22/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
40	3671041653	36CCĐ5	Ph m Ng c	Tuân	10/07/1992				5.5			5.5	1.7	7.0	4.9	6.6	
41	3671041628	36CCĐ5	Phan Anh	Tu n	04/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
42	3671041662	36CCĐ5	Tô Thanh	Tu n	20/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
43	3671041635	36CCĐ5	Nguy n Ho@ng	Tú	12/02/1994				4.0			4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
44	3671041616	36CCĐ5	Nguy n C»ng	Thành	23/11/1993				5.0			5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
45	3671041901	36CCĐ5	ñ ng B"	Thi	06/09/1994				10.0			10.0	3.0	4.0	2.8	5.8	
46	3671041829	36CCĐ5	Tr n Ch´	Thi n	04/05/1994				5.5			5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	
47	3671041622	36CCĐ5	L² Qu c	Th nh	26/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
48	3671041639	36CCĐ5	L² Ng c	Thông	28/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
49	3671041837	36CCĐ5	V ng Huuñh	Tri u	13/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
50	3671041574	36CCĐ5	Nguy n H¿ng Gia	Uy	22/11/1994				8.0			8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
51	3671041985	36CCĐ5	Võ Thành	Uyên	10/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
52	3671041571	36CCĐ5	Tô Thái	Vi n	14/08/1994				5.0			5.0	1.5	7.5	5.3	6.8	
53	3671041959	36CCĐ5	Tr n Qu c	Vi t	30/03/1994				8.0			8.0	2.4	9.0	6.3	8.7	
54	3671041893	36CCĐ5	V½VNñ	Vinh	08/03/1993				9.0			9.0	2.7	5.5	3.9	6.6	
55	3671041951	36CCĐ5	Nguy n S	VIO	17/03/1992				9.0			9.0	2.7	6.5	4.6	7.3	
56	3671041845	36CCĐ5	Tr nh H u	Ý	06/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

T ñg s : 56 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa